TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 3 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Bà Võ Tuyết Kha

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 387/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà C, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn V tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống, giữa bà và ông V xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Bà và

ông V đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay bà nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn hợp nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông V. Về con chung: Bà và ông V có hai người con chung là Huỳnh Thị M, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn T, sinh năm 1997. Hiện nay M và T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà và ông V tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống, ông và bà C do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay bà C yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý. Về con chung: Ông và bà C có hai người con chung tên Huỳnh Thị M, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn T, sinh năm 1997. Hiện nay M và T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông và bà C tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà C và ông V là vợ chồng. Về con chung: Cháu Huỳnh Thị M, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung: Bà C và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, bà C phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V. Khi khởi kiện, ông V trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà C và ông V đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà C và ông V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng bà C và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và đã có hai người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà C và ông V là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà C yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông V.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông V có 02 người con là Huỳnh Thị M, sinh năm 1994 và Huỳnh Văn T, sinh năm 1997, hiện M và T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông V đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003060 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị C và ông Huỳnh Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Huỳnh Thị M, sinh năm 1994 và cháu Huỳnh Văn T, sinh năm 1997 đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị C và ông Huỳnh Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị C phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003060 ngày 17

tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào